

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÚC KHẢO
HỌC KỲ 3, NĂM HỌC 2016 - 2017

STT	Số thẻ sinh viên	Họ và tên	Lớp	Ngành	Mã lớp học phần	Tên lớp học phần	Điểm cuối kỳ	Điểm phúc khảo	Ghi chú
1	101110185	Nguyễn Hữu Thành	11C1A	Công nghệ chế tạo máy	11803321621xx92	Kinh tế quản lý	6	7	
2	101110226	Trần Văn Hưng	11C1B	Công nghệ chế tạo máy	10807001621xx92	Cơ lý thuyết	2	3	
3	101120171	Phạm Thanh Hoài	12C1B	Công nghệ chế tạo máy	10807001621xx92	Cơ lý thuyết	5	8	
4	101139017	Nguyễn Hữu Nam	13C1VA	Công nghệ chế tạo máy	10807001621xx92A	Cơ lý thuyết	3	3	
5	101150144	Nguyễn Viêt Thắng	15C1C	Công nghệ chế tạo máy	10807001621xx94A	Cơ lý thuyết	1	8	
6	101150271	Trương Minh Hoàng Tuấn	15C1VA	Công nghệ chế tạo máy	10800111621xx92	Hình hoạ	1	1	
7	101160053	Huỳnh Xuân Thuận	16C1A	Công nghệ chế tạo máy	20901011621xx93	Tư tưởng Hồ Chí Minh	0	0	
8	109140004	Bùi Tiểu Bình	14VLXD	Công nghệ KT Vật liệu XD	10800111621xx92A	Hình hoạ	7	7	
9	109140004	Bùi Tiểu Bình	14VLXD	Công nghệ KT Vật liệu XD	10807101621xx93	Sức bền vật liệu	7	7	
10	102120133	Nguyễn Đỗ Việt Đức	12T2	Công nghệ Thông tin	10212831621xx92	Kỹ thuật số ứng dụng	2	2	
11	102120133	Nguyễn Đỗ Việt Đức	12T2	Công nghệ Thông tin	10804011621xx93	Vẽ Kỹ thuật	5	6	
12	102140095	Phan Chánh Tấn	14T2	Công nghệ Thông tin	10800111621xx94A	Hình hoạ	4	5	
13	102140095	Phan Chánh Tấn	14T2	Công nghệ Thông tin	10804911621xx95	Cơ học ứng dụng	4	4	
14	102140095	Phan Chánh Tấn	14T2	Công nghệ Thông tin	30500111621xx92B	Vật lý 1	4.5	5	
15	102140163	Hoàng Minh Trung	14T3	Công nghệ Thông tin	10212831621xx92	Kỹ thuật số ứng dụng	3	1	
16	102150170	Phạm Thị Huyền	15T3	Công nghệ Thông tin	20901011621xx92	Tư tưởng Hồ Chí Minh	5.5	5.5	
17	102160029	Nguyễn Thế An	16T1	Công nghệ Thông tin	20901411621xx94A	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	1	1	
18	102150236	Hồ Long Nhật	15TCLC1	Công nghệ Thông tin - CLC	20901411621xx95	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	5	5	
19	107150135	Đặng Quốc Bảo	15H2B	Công nghệ Thực phẩm	20901411621xx94	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	1.5	1.5	
20	107150173	Nguyễn Trần Phú Quý	15H2B	Công nghệ Thực phẩm	30500111621xx93	Vật lý 1	2	2	
21	121130078	Trần Thanh Hiếu	13KT2	Kiến trúc	10800111621xx93	Hình hoạ	5	5	
22	121130078	Trần Thanh Hiếu	13KT2	Kiến trúc	10807001621xx93	Cơ lý thuyết	4	4	
23	121130078	Trần Thanh Hiếu	13KT2	Kiến trúc	11013821621xx93	Cơ học công trình	6	6.5	
24	121130111	Đặng Văn Thương	13KT2	Kiến trúc	11013821621xx93	Cơ học công trình	2.5	2.5	
25	121150079	Lê Bá Bình	15KT2	Kiến trúc	10807001621xx92	Cơ lý thuyết	3	3	
26	118140004	Bùi Thị Bé	14KX1	Kinh tế Xây dựng	31901111621xx94	Giải tích 1	5.5	5.5	
27	118160024	Nguyễn Tuấn Kiệt	16KX1	Kinh tế Xây dựng	20901411621xx93	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	1	1	

STT	Số thẻ sinh viên	Họ và tên	Lớp	Ngành	Mã lớp học phần	Tên lớp học phần	Điểm cuối kỳ	Điểm phúc khảo	Ghi chú
28	101130215	Nguyễn Thế Thanh	13CDT2	Kỹ thuật Cơ Điện tử	20901411621xx92	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	3	3	
29	101160210	Phan Văn Tuấn	16CDT2	Kỹ thuật Cơ Điện tử	31900411621xx92	Xác suất thống kê	2	2	
30	103130136	Nguyễn Trần Quốc Khánh	13C4B	Kỹ thuật cơ khí	10316101621xx92	Lý thuyết ô tô & máy công trình	4	4	
31	103140055	Nguyễn Lê Ngọc Trí	14C4A	Kỹ thuật cơ khí	10807101621xx92A	Sức bền vật liệu	3	3	
32	103140054	Đỗ Công Trí	14C4A	Kỹ thuật cơ khí	10807101621xx93	Sức bền vật liệu	5	5	
33	103140054	Đỗ Công Trí	14C4A	Kỹ thuật cơ khí	20901011621xx94	Tư tưởng Hồ Chí Minh	6	6.5	
34	103140055	Nguyễn Lê Ngọc Trí	14C4A	Kỹ thuật cơ khí	31901111621xx93	Giải tích 1	3.5	5	
35	103140131	Nguyễn Văn Tùng	14C4B	Kỹ thuật cơ khí	10807001621xx94A	Cơ lý thuyết	3	3	
36	111120090	Phan Xuân Quân	12X2	Kỹ thuật Công trình thủy	11020501621xx93	Cơ học kết cấu 2	3	2	
37	110120126	Hà Trọng Sỹ	12X1A	Kỹ thuật Công trình xây dựng	10807101621xx93B	Sức bền vật liệu	5	5	
38	110130092	Trần Phước Đăng Hậu	13X1B	Kỹ thuật Công trình xây dựng	11000531621xx92	Lý thuyết đàn hồi	5	5.5	
39	110130092	Trần Phước Đăng Hậu	13X1B	Kỹ thuật Công trình xây dựng	30500111621xx95	Vật lý 1	5	5	
40	110130177	Lê Văn Thanh Ngà	13X1C	Kỹ thuật Công trình xây dựng	11000221621xx92	Cơ học kết cấu 1	2.5	2.5	
41	110130176	Trần Nhật Minh	13X1C	Kỹ thuật Công trình xây dựng	31900411621xx94	Xác suất thống kê	3	3	
42	110150021	Nguyễn Quốc Cường	15X1A	Kỹ thuật Công trình xây dựng	11000531621xx92	Lý thuyết đàn hồi	6	6	
43	110150021	Nguyễn Quốc Cường	15X1A	Kỹ thuật Công trình xây dựng	20901411621xx92A	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	1.5	1.5	
44	110150135	Đặng Công Linh	15X1B	Kỹ thuật Công trình xây dựng	10807001621xx92	Cơ lý thuyết	4	4	
45	110150182	Lương Văn Ba	15X1C	Kỹ thuật Công trình xây dựng	30506411621xx93	Vật lý 2	2	2	
46	106130132	Lưu Quang Tín	13DT2	Kỹ thuật điện tử và VT	31901111621xx92	Giải tích 1	6	7.5	
47	106140181	Ma Trí	14DT3	Kỹ thuật điện tử và VT	10611701621xx92	Toán chuyên ngành	3	4	
48	106140165	Hoàng Yến Nhi	14DT3	Kỹ thuật điện tử và VT	20901411621xx92A	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	3.5	3.5	
49	106150186	Nguyễn Thành Long	15DT3	Kỹ thuật điện tử và VT	10800111621xx92A	Hình họa	3	5	
50	106150186	Nguyễn Thành Long	15DT3	Kỹ thuật điện tử và VT	11700111621xx92	Môi trường	3	3	
51	106160037	Huỳnh Thị Tường Nguyên	16DT1	Kỹ thuật điện tử và VT	30500111621xx93B	Vật lý 1	1	1	
52	105120214	Hà Song Toàn	12D2	Kỹ thuật Điện, điện tử	10804911621xx94	Cơ học ứng dụng	5	5.5	
53	105130148	Ngô Thanh Bình	13D3	Kỹ thuật Điện, điện tử	10500531621xx92	Toán chuyên ngành	2	5	
54	105140045	Lê Thanh Long	14D1	Kỹ thuật Điện, điện tử	10804911621xx92	Cơ học ứng dụng	6	6.5	
55	105140156	Trương Thế Toàn	14D2	Kỹ thuật Điện, điện tử	10404511621xx93A	Kỹ thuật nhiệt	3.5	3.5	
56	105130215	Lê Vũ Hoàng	13DCLC	Kỹ thuật Điện, điện tử - CLC	10804911621xx94	Cơ học ứng dụng	3.5	4	
57	107160060	Huỳnh Thị Thúy Quỳnh	16H14	Kỹ thuật Hóa học	20901011621xx93	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	
58	107160018	Nguyễn Thị Hiền	16H14	Kỹ thuật Hóa học	20901011621xx94	Tư tưởng Hồ Chí Minh	4	5	
59	107160024	Trương Thúy Hồng	16H14	Kỹ thuật Hóa học	31900411621xx95	Xác suất thống kê	5	5	
60	117140006	Trần Công Cường	14MT	Kỹ thuật Môi trường	21000101621xx94	Pháp luật đại cương	5	5	

STT	Số thẻ sinh viên	Họ và tên	Lớp	Ngành	Mã lớp học phần	Tên lớp học phần	Điểm cuối kỳ	Điểm phúc khảo	Ghi chú
61	117150083	Thùy Châu Tuấn	15MT	Kỹ thuật Môi trường	20901411621xx93	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 2	1	1	
62	117150050	Lê Thị Thanh Nga	15MT	Kỹ thuật Môi trường	30500111621xx95	Vật lý 1	2	4.5	
63	104120058	Nguyễn Vũ Linh	12N1	Kỹ thuật nhiệt	10800111621xx93	Hình họa	3	3	
64	104140054	Phan Thành Trung	14N1	Kỹ thuật nhiệt	10407531621xx93	Nhiệt động kỹ thuật	6.5	6.5	
65	104140157	Phạm Trương Nhật Linh	14NL	Kỹ thuật nhiệt	10408331621xx92	Đo lường nhiệt	5	5	
66	104150053	Mai Hữu Sơn	15N1	Kỹ thuật nhiệt	31900411621xx94	Xác suất thống kê	7.5	7.5	
67	104160061	Nguyễn Trung Đức	16N2	Kỹ thuật nhiệt	31900411621xx93	Xác suất thống kê	3.5	3.5	
68	103140142	Nguyễn Văn Đức	14KTTT	Kỹ thuật Tàu thủy	31901211621xx94	Giải tích 2	6	6	
69	103150190	Nguyễn Văn Kha	15KTTT	Kỹ thuật Tàu thủy	10807001621xx93	Cơ lý thuyết	4	4	
70	103150231	Lê Văn Tùng	15KTTT	Kỹ thuật Tàu thủy	30500111621xx92B	Vật lý 1	3	3.5	
71	111130108	Lê Duy Triệu	13THXD2	Kỹ thuật Xây dựng	10404511621xx93	Kỹ thuật nhiệt	2.5	2.5	
72	111130070	Nguyễn Phước Quý Đạt	13THXD2	Kỹ thuật Xây dựng	11020501621xx93	Cơ học kết cấu 2	4.5	4	
73	111150018	Hứa Ngọc Đông	15THXD	Kỹ thuật Xây dựng	30506411621xx94	Vật lý 2	5	6.5	
74	109110154	Nguyễn Quốc Tuấn	11X3A	Kỹ thuật XD công trình GT	11001021621xx92	Kết cấu thép 1	2	2	
75	109130211	Lê Văn Thuận	13X3C	Kỹ thuật XD công trình GT	11020501621xx92A	Cơ học kết cấu 2	5	5	
76	109160121	Lê Đình Quyền	16X3A	Kỹ thuật XD công trình GT	20901011621xx92	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	
77	108120020	Nguyễn Lê Nhật	12SK	Sư phạm KT Công Nghiệp	30500111621xx95	Vật lý 1	6	7.5	
78	108140008	Trần Vũ Đạt	14SK	Sư phạm KT Công Nghiệp	31900411621xx94	Xác suất thống kê	3.5	3.5	

Danh sách gồm: 78 sinh viên

Người lập biểu



Nguyễn Văn Khai

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 11 năm 2017

TL HIỆU TRƯỞNG

KT TRƯỞNG PHÒNG KT&ĐBCLGD

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



CVC. ThS. Nguyễn Thanh Nam